

Số: /2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

NGHỊ ĐỊNH

Quy định lộ trình, phương thức tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính toàn cầu

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định lộ trình, phương thức tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính toàn cầu.

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định lộ trình, phương thức tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính toàn cầu phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và cam kết tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức quản lý giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh có liên quan đến hoạt động phát thải khí nhà kính, hấp thụ khí nhà kính trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC)* là cam kết ứng phó với biến đổi khí hậu trong đó có các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của quốc gia trình lên Ban thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu cho giai đoạn 2021-2030.

2. *Kịch bản phát thải khí nhà kính trong điều kiện phát triển thông thường (BAU)* là dự báo xu hướng phát thải khí nhà kính trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội bình thường mà không thực hiện hoạt động giảm phát thải khí nhà kính.

3. *Đo đạc, báo cáo và thẩm định* là việc theo dõi, giám sát định lượng tiến độ và kết quả đạt được của hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thông qua một hệ thống hoàn chỉnh, thống nhất.

4. *Kiểm kê khí nhà kính* là tính toán mức phát thải khí nhà kính, hấp thụ khí nhà kính trong một phạm vi xác định và trong một năm cụ thể.

5. *Phát thải khí nhà kính* là việc trực tiếp hoặc gián tiếp tạo ra các khí nhà kính và phát thải vào bầu khí quyển.

6. *Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính* là hoạt động giảm phát thải khí nhà kính vào khí quyển và bất kỳ quá trình, hoạt động hoặc cơ chế nào cho phép loại bỏ hoặc hấp thụ khí nhà kính từ khí quyển có thể xác định được theo các phương pháp được công nhận.

7. *Thông báo quốc gia* là báo cáo của các quốc gia thành viên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu về hiện trạng tác động biến đổi khí hậu và các nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu với chu kỳ thông thường bốn năm một lần.

8. *Báo cáo cập nhật hai năm một lần* là báo cáo của các quốc gia đang phát triển là thành viên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu về thông tin cập nhật về kết quả kiểm kê quốc gia khí nhà kính, các hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, nhu cầu và hỗ trợ nhận được cho các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

9. *Báo cáo minh bạch hai năm một lần* là báo cáo của các quốc gia thành viên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu về thông tin cập nhật về kết quả kiểm kê quốc gia khí nhà kính, thông tin cần thiết để theo dõi tiến độ thực hiện và đạt được các mục tiêu Đóng góp quốc gia tự quyết định (NDC) đưa ra, thông tin về các chính sách, biện pháp, hành động và kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bao gồm các đồng lợi ích, thông tin liên quan đến tác động của biến đổi khí hậu và hoạt động thích ứng.

Điều 4. Nguyên tắc tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính toàn cầu

1. Việc tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam và được cập nhật, điều chỉnh theo các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững, hướng đến nền kinh tế các-bon thấp, tăng trưởng xanh.

3. Quản lý giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là trách nhiệm của Nhà nước; thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Chương II.

LỘ TRÌNH THAM GIA HOẠT ĐỘNG GIẢM NHỆ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TOÀN CẦU

Điều 5. Đóng góp của Việt Nam về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính toàn cầu

1. Bằng nguồn lực trong nước, đến năm 2030 Việt Nam giảm tối thiểu 8% so với tổng lượng phát thải xác định tại kịch bản phát thải khí nhà kính trong điều kiện phát triển thông thường.

2. Mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến năm 2030 quy định tại khoản 1 Điều này có thể đến 25% nếu nhận được hỗ trợ về tài chính, công nghệ và tăng cường năng lực từ cộng đồng quốc tế.

3. Mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2050 được xác định phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2050 và tình hình thực hiện cam kết quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Điều 6. Xây dựng và gửi các báo cáo quốc gia theo yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu

Bộ Tài nguyên và Môi trường:

1. Chủ trì tổ chức xây dựng Đóng góp do quốc gia tự quyết định, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2020 và rà soát và cập nhật định kỳ vào năm 2025 và năm 2030; Báo cáo minh bạch hai năm một lần lần thứ nhất của Việt Nam, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2024, tiếp tục thực hiện theo chu kỳ hai năm một lần theo quy định; Thông báo quốc gia lần thứ tư của Việt Nam, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2022, tiếp tục thực hiện bốn năm một lần; Báo cáo cập nhật hai năm một lần lần thứ ba của Việt Nam, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Tổ chức xây dựng Chiến lược phát triển phát thải thấp dài hạn của quốc gia tầm nhìn đến năm 2050, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Chịu trách nhiệm gửi các báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này cho Ban Thư ký của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu theo quy định.

Điều 7. Kiểm kê khí nhà kính; đo đạc, báo cáo, thẩm định; hình thành và phát triển thị trường tín chỉ các-bon

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổ chức xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia và hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định quốc gia, hoàn thành trước 31 tháng 12 năm 2020.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Đề án hình thành và phát triển thị trường tín chỉ các-bon trong nước, tiến tới tham gia thị trường tín chỉ các-bon thế giới, hoàn thành trong năm 2021.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng chính sách quản lý và vận hành thị trường tín chỉ các-bon phù hợp với điều kiện quốc gia và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng hệ thống kiểm kê khí nhà kính và hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, hoàn thành trong năm 2021.

Chương III.

PHƯƠNG THỨC THAM GIA GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TOÀN CẦU

Mục 1.

GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Điều 8. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng

1. Các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất, chế tạo, cải tạo, chuyển đổi thị trường phương tiện, trang thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất, chiếu sáng công cộng, tiết kiệm năng lượng trong hộ gia đình và các phương thức khác.

2. Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp, chủ đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh, sử dụng năng lượng áp dụng công nghệ tiên tiến, tăng cường nghiên cứu, chế tạo thiết bị, phương tiện tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng nhiên liệu sạch, năng lượng tái tạo và các dạng nhiên liệu thay thế khác phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện của Việt Nam.

Điều 9. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực giao thông - vận tải

1. Bộ Giao thông vận tải áp dụng các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong quy hoạch phát triển giao thông vận tải, lập kế hoạch đầu tư, khai thác hệ thống giao thông vận tải.

2. Bộ Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức, triển khai thực hiện chuyển đổi phương thức vận chuyển hàng hóa; tái cơ cấu thị trường vận tải; chuyển đổi từ phương tiện cá nhân sang công cộng; chuyển đổi từ sử dụng nhiên liệu truyền thống sang nhiên liệu sinh học, khí thiên nhiên và năng lượng điện.

Điều 10. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực xây dựng

Bộ Xây dựng và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức, triển khai cải tiến, phát triển và áp dụng công nghệ trong sản xuất vật liệu xây dựng; giảm hàm lượng clinker và thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khác trong sản xuất xi măng; phát triển và áp dụng vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh trong lĩnh vực nhà ở và thương mại.

Điều 11. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực nông nghiệp,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức, triển khai ứng dụng giải pháp công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi; chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng; thay đổi sử dụng đất; công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải trong sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi; phát triển nông nghiệp hữu cơ.

Điều 12. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức, triển khai bảo vệ, bảo tồn và sử dụng bền vững rừng và đất lâm nghiệp để tăng lượng hấp thụ các-bon; trồng rừng, phát triển rừng, ưu tiên rừng sản xuất, rừng gỗ lớn và rừng ven biển; khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên, xúc tiến tái sinh và làm giàu rừng trên các vùng đất được quy hoạch cho lâm nghiệp.

Điều 13. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong quản lý chất thải rắn

Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức, triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, phát triển và áp dụng công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn đặc thù khác nhằm hạn chế phát thải khí nhà kính.

Điều 14. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia trước ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Mục 2.

KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH

Điều 15. Yêu cầu kiểm kê khí nhà kính

Các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

1. Minh bạch trách nhiệm của từng cơ quan, từng cấp quản lý.
2. Số liệu chính xác, kịp thời.
3. Phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
4. Nguồn số liệu thống nhất, có thể kiểm tra, so sánh, đánh giá. Đảm bảo số liệu thống kê không trùng lặp, chồng chéo giữa các ngành và địa phương.

5. Phương pháp kiểm kê được áp dụng thống nhất theo hướng dẫn của Ban liên Chính phủ về biến đổi khí hậu.

Điều 16. Lộ trình thực hiện kiểm kê khí nhà kính

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường lập, ban hành danh mục hệ số phát thải (EF) khí nhà kính đối với các hoạt động có phát thải, hấp thụ khí nhà kính để áp dụng cho hoạt động kiểm kê khí nhà kính theo quy định kể từ năm 2020 và được cập nhật hai năm một lần.

2. Các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, xây dựng hệ số phát thải (EF) khí nhà kính đặc trưng quốc gia theo chuyên ngành trong giai đoạn 2021 – 2030, phục vụ việc cập nhật danh mục hệ số phát thải định kỳ hai năm một lần.

3. Các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm kê cho các khí nhà kính CO₂, CH₄, N₂O kể từ năm 2020; thực hiện bổ sung kiểm kê các loại khí nhà kính HFCs, PFCs, SF₆, NF₃ cho giai đoạn 2021 – 2030 theo điều kiện quốc gia; thực hiện kiểm kê các loại khí nhà kính CO₂, CH₄, N₂O, HFCs, PFCs, SF₆, NF₃ cho giai đoạn sau năm 2030.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng và ban hành hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính trong năm 2020; xây dựng và vận hành bộ cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính của các cơ sở phát thải lớn quy định tại Điều 21 Nghị định này, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 17. Trách nhiệm kiểm kê khí nhà kính

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan thực hiện kiểm kê quốc gia khí nhà kính định kỳ hai năm một lần.

2. Các Bộ, ngành tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý định kỳ hai năm một lần theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

Điều 18. Lĩnh vực kiểm kê khí nhà kính định kỳ

Các lĩnh vực phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính định kỳ được thực hiện theo quy định của Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) của Liên hợp quốc, bao gồm:

- a) Năng lượng;
- b) Quá trình công nghiệp;
- c) Nông nghiệp;
- d) Sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp;
- đ) Chất thải.

Điều 19. Kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia

1. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thu thập, cung cấp thông tin, số liệu hoạt động liên quan phục vụ kiểm kê quốc gia khí nhà kính gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, phân tích số liệu hoạt động và thực hiện kiểm kê quốc gia khí nhà kính theo quy định.

Điều 20. Kiểm kê khí nhà kính cấp ngành

Các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thực hiện kiểm kê khí nhà kính định kỳ các lĩnh vực thuộc phạm vi ngành quản lý, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 21. Kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện tổng hợp phân tích số liệu hoạt động và thực hiện kiểm kê khí nhà kính đối với các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm quy định tại Điều 6 Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trước ngày 01 tháng 7 năm 2020.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí cơ sở phát thải khí nhà kính lớn trong năm 2020.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính lớn trong năm 2021, rà soát, cập nhật danh mục hai năm một lần.

2. Các cơ sở phát thải lớn được quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải lập báo cáo mức phát thải khí nhà kính gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 hằng năm kể từ năm 2022.

Mục 3.

ĐO ĐẠC, BÁO CÁO, THẨM ĐỊNH VỀ GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Điều 22. Yêu cầu về đo đạc, báo cáo, thẩm định

Các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân khi thực hiện các hoạt động đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

1. Tính minh bạch, chính xác, hoàn thiện, thống nhất và so sánh được của Công ước khung Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, đồng thời phù hợp với điều kiện quốc gia.

2. Cung cấp đầy đủ, chính xác, không trùng lặp và kịp thời các thông tin, số liệu về các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính nhằm giám sát hiệu quả quá trình thực hiện các mục tiêu giảm nhẹ của Việt Nam trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam và xây dựng các báo cáo quốc gia về biến đổi khí hậu.

3. Tính nhất quán, minh bạch và độc lập của quy trình đo đạc, báo cáo và thẩm định các cấp và trách nhiệm của các bên liên quan.

Điều 23. Nội dung đo đạc, báo cáo, thẩm định mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính các cấp

1. Cấp cơ sở

a) Đo đạc, xác định mức giảm phát thải khí nhà kính định lượng sử dụng phương pháp được quốc tế công nhận;

b) Xây dựng báo cáo về mức giảm phát thải khí nhà kính định lượng theo tiến độ thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp ngành, cấp tỉnh.

2. Cấp ngành

a) Thẩm định kết quả đo đạc mức giảm phát thải khí nhà kính định lượng của các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổng hợp mức giảm phát thải khí nhà kính định lượng từ các dự án, cơ sở thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý;

c) Xây dựng báo cáo về mức giảm phát thải khí nhà kính định lượng cấp ngành, cấp tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

3. Cấp quốc gia

a) Tổng hợp các phương pháp đo đạc, thẩm tra mức giảm phát thải khí nhà kính định lượng của cấp ngành, cấp tỉnh, cấp cơ sở;

b) Tổng hợp, báo cáo Chính phủ kết quả mức giảm phát thải khí nhà kính định lượng của cấp ngành, cấp tỉnh, cấp cơ sở.

Điều 24. Hoạt động đo đạc, báo cáo, thẩm định mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Hoạt động đo đạc, báo cáo, thẩm định được xây dựng, áp dụng đối với từng hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo đảm tính thống nhất theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và ban hành hướng dẫn kỹ thuật về hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quốc gia.

3. Các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường xây dựng và ban hành hướng dẫn kỹ thuật về đo đạc, báo cáo, thẩm định đối với các lĩnh vực chuyên ngành

thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, phù hợp với hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quốc gia.

Chương IV.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Nghị định này và phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện Nghị định này theo thẩm quyền quản lý.

2. Các Bộ, ngành, địa phương tổ chức hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức và khuyến khích thực hiện các quy định của Nghị định này trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Các Bộ, ngành, địa phương huy động, bố trí nguồn lực cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Nhà nước thực hiện ưu đãi về vốn, tín dụng, tiền thuê đất và các ưu đãi khác đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh tự nguyện xây dựng và thực hiện các kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các Bộ, ngành và địa phương có liên quan theo quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia.

3. Chủ trì đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực hệ thống quốc gia về kiểm kê khí nhà kính; ban hành hướng dẫn thực hiện hoạt động kiểm kê khí nhà kính; thực hiện kiểm kê quốc gia khí nhà kính định kỳ hai năm một lần.

4. Nghiên cứu, xây dựng hệ số phát thải (EF) khí nhà kính đặc trưng quốc gia ngành tài nguyên và môi trường; lập, ban hành danh mục hệ số phát thải (EF) khí nhà kính để áp dụng cho hoạt động kiểm kê khí nhà kính, cập nhật hai năm một lần; xây dựng, ban hành hệ số phát thải (EF) khí nhà kính của lưới điện quốc gia phục vụ tính toán lượng cắt giảm phát thải khí nhà kính của các hoạt động

giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, cập nhật hàng năm.5. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí cơ sở phát thải khí nhà kính lớn, Danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính lớn. Tổng hợp báo cáo phát thải khí nhà kính định kỳ của các cơ sở phát thải khí nhà kính lớn; xây dựng và vận hành bộ cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính của các cơ sở phát thải lớn.

5. Chủ trì xây dựng, áp dụng hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia; phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng và ban hành hướng dẫn xây dựng hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm tra cấp ngành.

6. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Đề án hình thành và phát triển thị trường tín chỉ các-bon trong nước, tiến tới tham gia thị trường tín chỉ các-bon thế giới.

7. Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, các Bộ, ngành khác có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu xây dựng quy định về thị trường tín chỉ các-bon trong nước.

8. Lồng ghép và hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương lồng ghép các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng thuộc phạm vi quản lý.

9. Tổ chức các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, chú trọng đối với đồng bào ở miền núi, ngư dân ven biển, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; xây dựng, tổ chức thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

10. Chủ trì thực hiện truyền thông các nội dung về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tại Việt Nam ở các cấp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng thuộc phạm vi quản lý.

11. Chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển phát thải thấp dài hạn của quốc gia tầm nhìn đến năm 2050.

12. Tổ chức và bố trí nguồn nhân lực phù hợp để giúp Thủ tướng Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; huy động nguồn lực cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

13. Giúp Chính phủ xây dựng và gửi các báo cáo quốc gia theo yêu cầu và lộ trình của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản về xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

của quốc gia phù hợp với lộ trình và phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức thực hiện công tác lồng ghép giữa hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại Nghị định này và hoạt động tăng trưởng xanh thuộc chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.

3. Bố trí chi đầu tư để thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan.

4. Cung cấp thông tin, số liệu hoạt động cho Bộ Tài nguyên và Môi trường phục vụ kiểm kê quốc gia khí nhà kính.

5. Huy động nguồn vốn ODA, vay ưu đãi cho các hoạt động thuộc lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính và các nguồn tài chính bên ngoài khác.

6. Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương nghiên cứu xây dựng quy định về thị trường tín chỉ các-bon trong nước.

Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền quy định cơ chế hỗ trợ, khuyến khích, ưu đãi hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

2. Bố trí chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Huy động nguồn vốn ODA, vay ưu đãi cho các hoạt động thuộc lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính và các nguồn tài chính bên ngoài khác.

4. Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương nghiên cứu xây dựng quy định về thị trường tín chỉ các-bon trong nước.

Điều 29. Trách nhiệm của các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tổ chức thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo thẩm quyền để thực hiện lộ trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại Điều 5 của Nghị định này đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

2. Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường phục vụ xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quốc gia.

3. Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

4. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát, xác định nguồn phát thải khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý; thực hiện kiểm kê khí nhà kính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý định kỳ hai năm một

lần; cung cấp thông tin, số liệu hoạt động gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường phục vụ kiểm kê quốc gia khí nhà kính; ban hành theo thẩm quyền các quy định về thu thập thông tin, số liệu phục vụ kiểm kê quốc gia khí nhà kính, quy trình đo đạc, báo cáo, thẩm định mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Nghiên cứu, xây dựng hệ số phát thải (EF) khí nhà kính đặc trưng quốc gia theo chuyên ngành; phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường lập, ban hành danh mục hệ số phát thải (EF) khí nhà kính để áp dụng cho hoạt động kiểm kê khí nhà kính, cập nhật hai năm một lần.

6. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng tiêu chí cơ sở phát thải khí nhà kính lớn và lập Danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính lớn.

7. Lồng ghép các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

8. Nghiên cứu và phát triển công nghệ, vật tư và thiết bị trong hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

9. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn nghiệp vụ trong hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

10. Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và chỉ đạo cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

11. Huy động nguồn vốn cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Cung cấp thông tin, số liệu hoạt động cho Bộ Tài nguyên và Môi trường phục vụ kiểm kê quốc gia khí nhà kính và xây dựng các báo cáo khí hậu quốc gia theo quy định tại Nghị định này.

2. Phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu xây dựng quy định về thị trường tín chỉ các-bon trong nước.

3. Huy động nguồn vốn cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

4. Tổ chức hoạt động tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, phổ biến, giáo dục thực hiện các quy định của pháp luật về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

5. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức tham mưu quản lý nhà nước, triển khai thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn theo quy định tại Nghị định này.

6. Định kỳ gửi báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường công tác quản lý nhà nước về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn.

Điều 31. Trách nhiệm của các cơ sở thuộc Danh mục các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải báo cáo phát thải khí nhà kính định kỳ

1. Định kỳ báo cáo phát thải khí nhà kính theo quy định của Nghị định này và gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp.

2. Thực hiện các hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tận dụng các cơ hội để đổi mới công nghệ.

Chương V.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 201...

2. Bãi bỏ Quyết định số 2359/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Hệ thống quốc gia về kiểm kê khí nhà kính.

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TCD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục.

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CẤP NGÀNH

*(Kèm theo Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019
của Chính phủ)*

1. Yêu cầu đối với kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp ngành

- a) Đánh giá, xác định nguồn phát thải, bể hấp thụ khí nhà kính.
- b) Phân tích, xác định xu hướng phát thải khí nhà kính tương lai và ước tính lượng giảm phát thải khí nhà kính tiềm năng.
- c) Các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên phù hợp với tình hình thực tế của kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và đồng bộ, lô gíc về mục tiêu, nội dung, bảo đảm minh bạch cơ quan, đơn vị, cấp chịu trách nhiệm thực hiện.
- d) Phải xác định mục tiêu chi tiết, định lượng đối với từng lĩnh vực, hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến từng năm thực hiện.
- đ) Thời gian, kết quả đạt được đối với ngành, hoạt động phải cụ thể; lộ trình thực hiện phù hợp với tính chất, quy mô, phạm vi của từng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.
- e) Kế hoạch phải đánh giá, phân tích được các yếu tố về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường.

2. Mẫu Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp ngành
(Kèm theo Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019
của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH NGÀNH...

I. Mục tiêu chung của ngành

II. Các biện pháp, hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

- Mô hình dự báo và ước tính đường phát thải cơ sở.
- Tên biện pháp, hoạt động.
- Mô tả cách thức, phương pháp thực hiện.
- Mục tiêu giảm nhẹ của biện pháp, hoạt động.

III. Kế hoạch và nguồn lực thực hiện chi tiết đến năm 2030

IV. Hoạt động giám sát, đánh giá

V. Đánh giá, phân tích hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của các biện pháp giảm nhẹ

VI. Tổ chức thực hiện

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để tổng hợp, phối hợp);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ (để phối hợp);
- Lưu: VT

MỤC LỤC

| | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| Chương I..... | 1 |
| QUY ĐỊNH CHUNG..... | 1 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh..... | 1 |
| Điều 2. Đối tượng áp dụng..... | 1 |
| Điều 3. Giải thích từ ngữ..... | 1 |
| Điều 4. Nguyên tắc tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính toàn cầu..... | 2 |
| Chương II..... | 3 |
| LỘ TRÌNH THAM GIA HOẠT ĐỘNG GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TOÀN CẦU..... | 3 |
| Điều 5. Đóng góp của Việt Nam về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính toàn cầu..... | 3 |
| Điều 6. Xây dựng và gửi các báo cáo quốc gia theo yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu..... | 3 |
| Điều 7. Kiểm kê khí nhà kính; đo đạc, báo cáo, thẩm định; hình thành và phát triển thị trường tín chỉ các-bon..... | 3 |
| Chương III..... | 4 |
| PHƯƠNG THỨC THAM GIA GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TOÀN CẦU..... | 4 |
| Mục 1..... | 4 |
| GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH..... | 4 |
| Điều 8. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng..... | 4 |
| Điều 9. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực giao thông - vận tải..... | 4 |
| Điều 10. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực xây dựng..... | 4 |
| Điều 11. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực nông nghiệp,..... | 5 |
| Điều 12. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp..... | 5 |
| Điều 13. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong quản lý chất thải rắn..... | 5 |
| Điều 14. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính..... | 5 |
| Mục 2..... | 5 |
| KIỂM KÊ KHÍ NHÀ KÍNH..... | 5 |
| Điều 15. Yêu cầu kiểm kê khí nhà kính..... | 5 |
| Điều 16. Lộ trình thực hiện kiểm kê khí nhà kính..... | 6 |
| Điều 17. Trách nhiệm kiểm kê khí nhà kính..... | 6 |
| Điều 18. Lĩnh vực kiểm kê khí nhà kính định kỳ..... | 6 |
| Điều 19. Kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia..... | 7 |
| Điều 20. Kiểm kê khí nhà kính cấp ngành..... | 7 |
| Điều 21. Kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở..... | 7 |
| Mục 3..... | 7 |
| ĐO ĐẠC, BÁO CÁO, THẨM ĐỊNH VỀ GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH..... | 7 |
| Điều 22. Yêu cầu về đo đạc, báo cáo, thẩm định..... | 7 |
| Điều 23. Nội dung đo đạc, báo cáo, thẩm định mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính các cấp..... | 8 |
| Điều 24. Hoạt động đo đạc, báo cáo, thẩm định mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.. | 8 |
| Chương IV..... | 9 |

| | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| TỔ CHỨC THỰC HIỆN | 9 |
| Điều 25. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ | 9 |
| Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường | 9 |
| Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư..... | 10 |
| Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Tài chính | 11 |
| Điều 29. Trách nhiệm của các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn..... | 11 |
| Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 12 |
| Điều 31. Trách nhiệm của các cơ sở thuộc Danh mục các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải báo cáo phát thải khí nhà kính định kỳ..... | 13 |
| Chương V. | 13 |
| ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH..... | 13 |
| Điều 32. Hiệu lực thi hành | 13 |
| Điều 33. Trách nhiệm thi hành..... | 13 |